lo vlaste be fu la .lojban. jo'u la'o zoi Tiếng Việt zoi

lo jboce'u

de'i li 2026 pi'e 11 pi'e 5

ni'o ni'o 1

fanva fi la'o zoi Tiếng Việt zoi

abu **[BY*]** chữ cái A
bajra **[baj]** $x1$ chạy trên $x2$ dùng $x3$ theo cách $x4$
by **[BY2]** chữ cái B
cutci **[cuc]** $x1$ là giầy cho $x2$ làm từ $x3$
cy **[BY2]** chữ cái C
gerku **[ger ge'u]** $x1$ là chó thuộc giống $x2$
jibri **[jib]** x_1 là công việc/việc làm/nghề nghiệp (việc làm thường xuyên, để kiếm tiền) của người x_2
kanro **[ka'o]** $x1$ khỏe mạnh theo tiêu chuẩn $x2$
klama **[kla]** $x1$ đi đến $x2$ từ $x3$ qua $x4$ dùng $x5$
kurji **[kuj ku'i]** $x1$ chăm sóc $x2$
lerfu **[ler le'u]** x_1 là chữ cái/chữ số/biểu tượng trong bảng chữ cái/bộ kí tự x_2, biểu thị x_3
ly **[BY2]** chữ cái L
melbi **[mel mle]** $x1$ đẹp đối với $x2$ theo tiêu chuẩn $x3$
pluka **[puk pu'a]** $x1$ làm $x2$ vui lòng dưới điều kiện $x3$
prami **[pam pa'i]** x_1 yêu x_2
stali **[sta]** $x1$ ở lại với $x2$
sutra **[sut]** $x1$ làm việc $x2$ một cách nhanh chóng
tavla **[tav ta'a]** $x1$ nói với $x2$ về $x3$ bằng ngôn ngữ $x4$
vecnu **[ven ve'u]** $x1$ bán $x2$ cho $x3$ với giá $x4$
zarci **[zac zai]** $x1$ là chợ/cửa hàng/cửa hiệu bán $x2$ do $x3$ làm việc

ni’o ni’o 2

fanva fo la’o zoi Tiếng Việt zoi

A*(chữ cái)* abu
B by
bán vecnu
bàn chân cutci$_{2}$
bảng chữ cái lerfu$_{2}$
bề mặt bajra$_{2}$
biểu tượng*(kí tự)* lerfu
C cy
chăm sóc kurji
chất liệu cutci$_{3}$
chạy bajra
chi*(tay; chân)* bajra$_{3}$
chó gerku$_{1}$
chợ zarci
chữ cái lerfu$_{1}$
chủ đề tavla$_{3}$
chữ số lerfu
công việc jibri$_{1}$
cửa hàng zarci
cửa hàng; cửa hiệu zarci$_{1}$
cửa hiệu zarci
dáng đi bajra$_{4}$
đẹp melbi
đi klama
địa điểm stali$_{2}$
điểm đến klama$_{2}$
điểm xuất phát klama$_{3}$
điều kiện pluka$_{3}$
du hành klama
đường đi klama$_{4}$
giá*(giá bán; giá mua)* vecnu$_{4}$
giầy cutci$_{1}$
giống chó*(loại chó)* gerku$_{2}$
hàng hóa vecnu$_{2}$
hành động sutra$_{2}$
khỏe kanro$_{1}$
kí tự lerfu
L ly
làm vừa lòng pluka
nghề nghiệp jibri
ngôn ngữ tavla$_{4}$
người bán zarci$_{3}$
người cảm nhận pluka$_{2}$
người chăm sóc kurji$_{1}$
người chạy bajra$_{1}$
người đi klama$_{1}$
người được chăm sóc kurji$_{2}$
người lao động jibri$_{2}$
người mua vecnu$_{3}$
người nghe tavla$_{2}$
người nói tavla$_{1}$
người ở lại stali$_{1}$
người quan sát melbi$_{2}$
nhanh sutra
nhanh chóng sutra
nói tavla
ở lại stali
phương tiện đi lại klama$_{5}$
sản phẩm zarci$_{2}$
sự kiện hoặc trạng thái pluka$_{1}$
tác nhân sutra$_{1}$
tiêu chuẩn kanro$_{2}$
vật thể hoặc ý niệm melbi$_{1}$
việc làm jibri
vừa ý pluka